

BÁO CÁO

Sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết 05-NQ/TU, ngày 11/11/2016 của Tỉnh ủy Lâm Đồng về phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững và hiện đại giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025

Ngày 11/11/2016, Tỉnh ủy Lâm Đồng đã ban hành Nghị quyết 05-NQ/TU về Phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững và hiện đại giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng 2025 (gọi tắt là Nghị quyết 05-NQ/TU). Đến nay, qua 05 năm triển khai Nghị quyết, Ban Thường vụ Huyện ủy Đam Rông báo cáo kết quả triển khai Nghị quyết trên địa bàn huyện như sau:

I. Công tác chỉ đạo thực hiện

Sau khi Nghị quyết 05-NQ/TU, ngày 11/11/2016 của Tỉnh ủy Lâm Đồng về phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững và hiện đại giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng đến năm 2025 ban hành; Ban Thường vụ Huyện ủy Đam Rông đã chỉ đạo tổ chức quán triệt nội dung Nghị quyết đến các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể huyện, các tầng lớp nhân dân để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp. Trên cơ sở mục tiêu Nghị quyết đề ra, Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy đã cụ thể hóa Nghị quyết bằng Chương trình hành động số 31-CTr/HU, ngày 18/01/2017 của Huyện ủy và Nghị quyết 12-NQ/HU, ngày 10/7/2019 của Huyện ủy; chỉ đạo UBND huyện bám sát yêu cầu nhiệm vụ xây dựng kế hoạch thực hiện Nghị quyết^[1] và ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, đôn đốc, đề ra giải pháp thực hiện, lồng ghép các nguồn lực được phân bổ hàng năm nhằm phấn đấu hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết đề ra.

Trên cơ sở Chương trình hành động, Kế hoạch triển khai của Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy, UBND huyện; các đơn vị, cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể huyện đã cụ thể hóa, tổ chức việc thực hiện tại đơn vị, địa bàn theo nội dung, yêu cầu chỉ đạo. Đồng thời, ngành nông nghiệp đã bám

⁽¹⁾ Kế hoạch số 66/KH-UBND, ngày 7/6/2017 về việc thực hiện Nghị quyết 05-NQ/TU về phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững và hiện đại giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng đến năm 2025; Kế hoạch 108/KH-UBND, ngày 01/10/2019 về việc thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/HU về phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững, từng bước ứng dụng công nghệ cao đến năm 2025 và những năm tiếp theo trên địa bàn huyện Đam Rông.

sát thực tế sản xuất, tín hiệu thị trường để tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực hưởng ứng, tham gia thực hiện gắn với tăng cường việc tổ chức hướng dẫn, trao đổi đầu bờ, xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả, phát triển Hợp tác xã, tổ hợp tác gắn với hình thành liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị; đầu tư hạ tầng phục vụ sản xuất...để tạo sự lan tỏa, tạo tiền đề nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới ở địa phương.

II. Kết quả thực hiện.

1. Công tác tuyên truyền, tập huấn.

Sau khi Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 05-NQ/TU, Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy Đam Rông xác định nhiệm vụ đẩy mạnh phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững và hiện đại trong sản xuất nông nghiệp là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt. Do đó, Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy đã lãnh đạo, chỉ đạo UBND huyện chỉ đạo các cấp, các ngành và UBND các xã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động để cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân trên địa bàn huyện nâng cao nhận thức, chủ động các nguồn lực để phát triển sản xuất nâng cao thu nhập, từng bước ứng dụng công nghệ vào sản xuất trên địa bàn.

Các phòng ban chuyên môn đã chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện, giao trách nhiệm cho cán bộ đảng viên, công chức đơn vị, qua đó nhiều cán bộ công chức đã chủ động tham mưu, bám sát cơ sở, hoàn thành tốt các mục tiêu, nhiệm vụ đã được Nghị quyết đề ra.

Công tác đào tạo, tập huấn: Từ năm 2017 đến nay, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện đã tổ chức 78 lớp đào tạo, tập huấn với 4.701 lượt người tham gia; trong đó: Đào tạo nghề nông thôn 16 lớp với 316 học viên; tập huấn, hội thảo đầu bờ chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, kỹ năng sản xuất 62 đợt với hơn 4.385 lượt người tham dự.

2. Kết quả phát triển sản xuất.

Với cơ cấu kinh tế nông nghiệp là chủ lực; vì vậy trong suốt thời gian qua, Ban Thường vụ Huyện ủy luôn quan tâm chỉ đạo đẩy mạnh công tác chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi, thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với ưu tiên đầu tư xây dựng hạ tầng phục vụ sản xuất, tăng cường công tác khuyến nông, tạo điều kiện thuận lợi cho nông hộ được vay vốn phát triển sinh kế, nâng cao thu nhập. Đặc biệt, sau khi ban hành Nghị quyết số 12-NQ/HU, ngày 10/7/2019 của Huyện ủy; UBND huyện đã tập trung chỉ đạo và lồng ghép các nguồn lực để thúc đẩy mục tiêu Nghị quyết đề ra.

Qua 05 năm thực hiện Nghị quyết, tổng nguồn vốn lồng ghép đầu tư cho lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên toàn huyện là 1.759,08 tỷ đồng, trong đó: hỗ trợ sản xuất, phát triển sinh kế 78.802 triệu đồng; đầu tư hạ tầng nông nghiệp, nông

thôn 684.676 triệu đồng; vốn tín dụng phục vụ sản xuất 995.609 triệu đồng. Cùng với sự quan tâm đầu tư phát triển sản xuất, xây dựng hạ tầng nông thôn; sự phối hợp tuyên truyền, vận động kịp thời, tích cực của Mặt trận tổ quốc và đoàn thể các cấp, tình hình thời tiết và thị trường cơ bản thuận lợi nên sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện có bước phát triển.

+ Tốc độ tăng ngành nông nghiệp giai đoạn 2016 - 2020 và năm 2021 đạt trên 9,1%/năm (KH:14-15%/năm), giá trị sản xuất trên đơn vị ước đạt 95 triệu đồng/ha (KH: 120 triệu). Tăng tỷ trọng ngành nông nghiệp đạt trên 47,12% (KH 47 - 50%).

+ Quy mô về diện tích, số lượng và năng xuất các loại cây trồng, vật nuôi có thể mạnh thay đổi và tăng nhanh, đến nay tổng diện tích các loại cây trồng trên địa bàn là 20.338 ha (*tăng 4.443,6 ha so với 2016*). Tổng đàn gia súc là 13.646 con (*giảm 5.806 con so với 2016*); đàn gia cầm, thủy cầm 177 nghìn con (*tăng 70,5 nghìn so với 2016*); thủy sản: 175 ha (*tăng 75 ha so với 2016*).

+ Cơ sở hạ tầng phục vụ về nông nghiệp được đầu tư xây dựng mới, nâng cấp sửa chữa như: đường giao thông nội đồng, công trình thủy lợi... đã phát huy hiệu quả đầu tư, góp phần đảm bảo vận chuyển hàng hóa, chủ động nguồn nước phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, nhất là trong thời điểm mùa khô, đảm bảo diện tích canh tác được tưới trên 85%.

+ Thu hút, khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Đến nay, 6/8 xã có Hợp tác xã nông nghiệp hoạt động hiệu quả góp phần xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện, đã có 01 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (xã Dạ Rsal), 02 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (xã Rô Men và Phi Liêng).

+ Tỷ lệ che phủ rừng toàn huyện đạt 65% (KH 65%). Cụ thể:

2.1. Về trồng trọt.

Đã tập trung khai thác, phát-huy lợi thế, thế mạnh về nông nghiệp của từng địa phương; thường xuyên quan tâm đến công tác khuyến nông, hướng dẫn quy trình, kỹ thuật chăm sóc cây trồng; vận động chuyển đổi diện tích cây trồng kém hiệu quả sang trồng các loại cây trồng mang lại hiệu quả kinh tế cao như: chuyển đổi diện tích đất sản xuất kém hiệu quả ven sông, suối sang trồng dâu nuôi tằm; tái canh, ghép cải tạo vườn cà phê già cỗi, năng suất thấp; trồng xen cây ăn quả trong vườn cà phê... Đồng thời, xây dựng các mô hình trình diễn, hội thảo đầu bờ, quy hoạch sản xuất theo từng tiểu vùng để góp phần nâng cao năng suất cây trồng, tăng thu nhập cho nông hộ.

Ngoài ra, công tác đề quản lý nhà nước về nông nghiệp được tăng cường, Từ năm 2017 đến nay, các cơ quan liên quan đã tổ chức 9 đợt kiểm tra giống cây

trồng, vật tư nông nghiệp trên địa bàn. Qua đó, đã kịp thời xử lý 15 trường hợp kinh doanh cây giống, thuốc bảo vệ thực vật kém chất lượng trên địa bàn với số tiền 153,58 triệu đồng (*năm 2019 xử lý 13 cơ sở/130,73 triệu đồng; năm 2020 xử lý 02 cơ sở/22,85 triệu đồng*).

a. Cây lương thực.

- **Cây lúa:** Sản xuất lúa cơ bản đã đồng trà, đồng vụ; công tác khuyến nông được ngành nông nghiệp đẩy mạnh, giống mới được đưa vào sản xuất chiếm trên 92 %, (*từ năm 2017 đến nay ngành nông nghiệp đã xây dựng mô hình canh tác lúa áp dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất ở các xã: Đa Long, Đa M'Rông, Đa Tông, Liêng Srônh, năng suất đạt từ 7 - 8 tạ/ha*); chuyển đổi 75 ha đất sản xuất lúa 1 vụ kém hiệu quả sang trồng dâu nuôi tằm, đồng thời đầu tư hoàn thiện hệ thống thủy lợi qua đó năng suất lúa của huyện nâng lên trên 48,8 tạ/ha (*tăng 4,5 tạ/ha so với năm 2016*); diện tích lúa gieo trồng cả năm toàn huyện là 1.808 ha (*giảm 263 ha so với năm 2016*).

- **Cây ngô:** Các giống ngô lai có năng suất cao như: Bioside 9698, C919, DK888... được đưa vào sản xuất; một số diện tích sản xuất ven sông, suối kém hiệu quả, huyện đã chỉ đạo chuyển đổi sang trồng dâu nuôi tằm; đến nay, toàn huyện đã chuyển đổi hơn 70 ha diện tích sản xuất ven sông, suối chuyển đổi sang trồng dâu nuôi tằm. Tổng diện tích trồng ngô của toàn huyện còn 1.640 ha (*giảm 459 ha so với năm 2016*), năng suất trung bình đạt 52 tạ/ha (*tăng 4,1 tạ/ha so với năm 2016*).

b. Cây lâu năm.

- **Cây cà phê:** Được xác định cây cà phê là cây trồng chủ lực trên địa bàn huyện. Do vậy thời gian qua, Huyện đã tập trung chỉ đạo đẩy mạnh tái canh, ghép cải tạo đối với diện tích cà phê già cỗi, năng suất thấp (*từ năm 2017 - 6/2021, toàn huyện trồng tái canh 1125 ha, ghép cải tạo 1195 ha*) và thâm canh, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất nhằm tăng năng suất, nâng cao chất lượng cà phê trên địa bàn huyện. Đến cuối năm 2020, tổng diện tích cà phê toàn huyện ổn định trên 12.000 ha (*trong đó diện tích cà phê catimor 150 ha*); diện tích cho sản phẩm là 11.202 ha, năng suất đạt 30,86 tạ/ha (*tăng 3,16 tạ/ha so với năm 2016*). Hiện nay, còn 3.840 ha cà phê già cỗi, năng suất thấp, trong thời gian tới cần tiếp tục tái canh hoặc ghép cải tạo; đồng thời tiếp tục chỉ đạo, lồng ghép các nguồn vốn, vận động nhân dân đẩy mạnh sử dụng cơ giới hóa trong sản xuất gắn chế biến, trồng cây ăn quả xen trong vườn cà phê theo mục tiêu Nghị quyết đã đề ra.

- **Cây ăn quả:** Những năm gần đây, song song với việc thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, cùng với những tín hiệu tốt của thị trường, phát huy thế mạnh của từng vùng, nông hộ đã chủ động chuyển đổi và trồng xen các loại cây ăn quả như: Sầu riêng, Bơ, Mắc ca... vào diện tích sản xuất cà phê ổn định

nhằm che bóng và tăng thu nhập trên đơn vị diện tích. Ngoài ra, một số diện tích nông hộ chủ động kỹ thuật, ứng dụng kỹ thuật canh tác chuyên sâu vào sản xuất lên đã có một số mô hình trồng thuần cây ăn quả mang lại hiệu quả kinh tế cao như: Mô hình chuối laba ở xã Đạ K'Nàng, mô hình trồng sầu riêng ở xã Đạ R'Sal, Rô Men, Liêng Srônh; mô hình trồng dừa trên đất dốc tại xã Rô Men...

Đến tháng 7/2021, diện tích cây ăn quả toàn huyện đạt 1.622 ha (*tăng 1.052 ha so với 2016*), chủ yếu là các loại cây như: sầu riêng trên 650 ha, bơ 175 ha, chuối 220 ha...; việc trồng cây ăn quả (*Sầu riêng, Bơ, chuối, chôm chôm, cây có múi...*) xen diện tích cà phê hoặc trồng thuần đã cho hiệu quả kinh tế cao.

- **Cây dâu tằm:** Xác định việc đẩy mạnh phát triển diện tích trồng dâu nuôi tằm phù hợp với trình độ sản xuất và điều kiện của người dân tại địa phương. Huyện ủy, UBND huyện giao ngành nông nghiệp đề xuất, tham mưu kế hoạch chỉ đạo tập trung đẩy mạnh phát triển các diện tích dâu tằm trên địa bàn huyện (*Kế hoạch 33/KH-UBND, ngày 21/3/2018 về việc tuyên truyền vận động và phát triển diện tích trồng dâu nuôi tằm trên địa bàn huyện đến năm 2020*). Đặc biệt năm 2019, UBND tỉnh Lâm Đồng ban hành Đề án phát triển dâu tằm trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2019 - 2023. Địa phương, đã xây dựng kế hoạch thực hiện để tập trung lồng ghép nguồn lực vào triển khai đẩy mạnh phát triển trồng dâu nuôi tằm. Đến nay, tổng diện tích trồng dâu nuôi tằm trên địa bàn huyện đạt 475 ha (*tăng 280,4 ha so với năm 2016*).

Việc triển khai Nghị quyết cùng với lồng ghép các Đề án chính sách, đến nay đã phát triển diện tích trồng dâu nuôi tằm tại khu vực 3 xã Đầm Ròn; đến nay, diện tích dâu tằm chuyển đổi từ diện tích canh tác bắp, lúa 1 vụ được 84,2 ha/252 hộ, trong đó có 134 hộ nuôi thương xuyên, thu nhập từ chăn nuôi tằm gấp nhiều lần (*trồng dâu nuôi tằm thu nhập gấp 5 - 6 lần; trồng dâu bán lá, thu nhập gấp 2,5 - 3 lần*) so với trồng lúa, bắp và tạo nghề mới cho bà con dân tộc, góp phần giảm nghèo.

- **Cây Mắc ca:** Phát triển các diện tích trồng xen trên diện tích cây công nghiệp, diện tích đất lâm nghiệp đang sản xuất nông nghiệp ổn định (tại xã Phi Liêng và Đạ K'Nàng) nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế, tăng thu nhập trên đơn vị diện tích. Diện tích mắc ca trên địa bàn huyện tăng nhanh và bước đầu cho hiệu quả kinh tế cao; đến nay, toàn huyện có 833 ha (*tăng 723 ha so với năm 2016*). Hiện nay, lợi nhuận từ việc trồng xen cây mắc ca trong vườn cà phê tại xã Phi Liêng, Đạ K'Nàng ước đạt trên 100 triệu đồng/ha.

c. Sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Việc tiếp tục áp dụng đồng bộ sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ sẽ góp phần đẩy mạnh sản xuất, tăng quy mô, nâng cao giá trị và hiệu quả sản xuất. Tính đến tháng 6/2021, diện tích sản

xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao^[2] toàn huyện có 98,5 ha (đạt 0,48% diện tích canh tác), trong đó: cây ăn quả 57 ha (sầu riêng, bơ và chuối la ba), rau 10 ha, nuôi cá nước lạnh 5,5 ha.

Ngoài ra, còn 600 ha diện tích cây trồng đang thực hiện áp dụng các tiêu chí về sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, gồm có: cây ăn quả 480 ha (đạt 3/4 tiêu chí bắt buộc); cà phê 25 ha (đạt 3/5 tiêu chí bắt buộc); rau thương phẩm 95 ha gồm (rau, đậu, ớt, cà chua..., đạt 3/5 tiêu chí bắt buộc). Hiện tại trên địa bàn huyện đã xây dựng 04 mô hình sản xuất nông nghiệp tiếp cận tiêu chí nông nghiệp thông minh (mô hình IoT - cảm biến kết nối internet để điều khiển tự động trong quá trình sản xuất) giúp cải thiện vi khí hậu trong nhà kính, ứng phó với biến đổi khí hậu (tại xã Đa K'Nang và Phi Liêng).

2.2. Về chăn nuôi, thủy sản.

Song song với phát triển trồng trọt, công tác phát triển chăn nuôi luôn được Huyện quan tâm chỉ đạo, nhất là quan tâm chỉ đạo lồng ghép các nguồn vốn hỗ trợ phát triển đàn gia súc gắn với làm tốt công tác phòng chống dịch bệnh. Đồng thời, UBND huyện đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn phối hợp với các đơn vị liên quan tuyên truyền, vận động phát triển chăn nuôi đi đôi với việc cải tạo đàn bò vàng địa phương, gắn chăn nuôi với trồng trọt nhằm nâng cao thu nhập cho nông hộ và hướng đến sản xuất nông nghiệp toàn diện, bền vững.

Từ năm 2017 đến nay, đã thực hiện hỗ trợ 10 con bò giống; thụ tinh nhân tạo đạt 338/395 liều, trong đó: sinh 263 bê con, đang mang thai 32 con.

Tuy nhiên do ảnh hưởng của bệnh dịch tả lợn Châu Phi năm 2019 và diện tích đồng cỏ tự nhiên chăn thả đàn bò thu hẹp; mặt khác do chăn nuôi nhỏ lẻ, thu nhập thấp...nên đàn gia súc phục hồi, phát triển chậm. Hiện nay, tổng đàn gia súc 13.646 con (giảm 5.806 con so với năm 2016), trong đó: đàn trâu 155 con, đàn bò 5.746 con (NQ 10.000 con), đàn heo 6.830 con, đàn dê 915 con. Tổng đàn gia cầm toàn huyện là 177 nghìn con; diện tích nuôi cá nước lạnh trên địa bàn huyện phát triển mạnh, đến nay toàn huyện có 7,3 ha (NQ: 50 ha) nuôi cá nước lạnh, năng suất trung bình đạt từ 70 - 100 tấn/ha, tập trung chủ yếu ở Rô Men, Đa M'Rông, Đa Tông và Liêng S'rôn.

2.3. Lâm nghiệp: Công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng luôn được Huyện ủy, UBND huyện xem là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt. Để nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý bảo vệ rừng trên địa bàn, Ban thường vụ Huyện ủy đã chỉ đạo kiện toàn Ban chỉ đạo công tác quản lý bảo vệ rừng, tài nguyên, môi trường và khoáng sản huyện Đam Rông do đồng chí Phó Bí thư Thường trực

(²) Quyết định số 1470/QĐ-UBND ngày 09/6/2021 của UBND tỉnh Lâm Đồng "Ban hành Quy định tạm thời tiêu chí sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Huyện ủy làm Trưởng ban (*Quyết định số 86-QĐ/HU, ngày 13/11/2020*). Chỉ đạo UBND huyện kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững và thực hiện Đề án 1836 giai đoạn 2021 – 2025 huyện Đam Rông (*Quyết định số 384/QĐ-UBND, ngày 16/3/2021*); ban hành nhiều văn bản quyết liệt chỉ đạo các đơn vị liên quan nâng cao tinh thần trách nhiệm, thực hiện nghiêm các quy định của Luật Lâm nghiệp; xây dựng kế hoạch khôi phục rừng trên địa bàn huyện^[3].

Ngoài ra, hàng tháng Thường trực Huyện ủy, lãnh đạo UBND huyện thường xuyên kiểm tra công tác QLBRV tại các xã thường xảy ra vi phạm các quy định của Luật Lâm nghiệp, đặc biệt những khu vực điểm nóng về phá rừng trái phép, các khu vực giáp ranh giữa huyện Đam Rông với huyện Lâm Hà; huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông... Thông qua các đợt kiểm tra, UBND huyện đã kịp thời chỉ đạo, chấn chỉnh công tác quản lý bảo vệ rừng trên địa bàn huyện, công tác phòng cháy chữa cháy rừng trong mùa khô hàng năm. Đến nay, tỷ lệ độ che phủ rừng trên địa bàn huyện duy trì ổn định 65%.

2.4. Kết quả đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông nghiệp.

Những năm qua cùng với sự quan tâm giúp đỡ của các cấp, ngành của tỉnh; UBND huyện đã chủ động lồng ghép các nguồn lực để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn phục vụ sản xuất, sinh hoạt của người dân với tổng nguồn vốn 684.676 triệu đồng, trong đó: đầu tư xây dựng công trình giao thông với tổng nguồn vốn 400.283 triệu đồng; xây dựng thủy lợi, kênh mương nội đồng 74.728 triệu đồng; đầu tư xây dựng các công trình nước sinh hoạt tập trung và công trình khác 284.393 triệu đồng...; thông qua việc đầu tư các công trình hạ tầng nông thôn đã góp phần làm thay đổi bộ mặt nông thôn ngày càng rõ nét; đời sống vật chất, tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao.

2.5. Thu hút, khuyến khích doanh nghiệp, HTX đầu tư vào nông nghiệp, liên kết trong sản xuất và Chương trình mỗi xã 1 sản phẩm.

- Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ đạo đẩy mạnh áp dụng các chính sách để khuyến khích và thu hút đầu tư của các doanh nghiệp, hợp tác xã vào nông nghiệp. Hiện nay, có 03 doanh nghiệp, 18 hợp tác xã đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn^[4] và có 6/8 xã có doanh nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp hoạt động hiệu quả góp phần tạo điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập cho nông hộ, thúc đẩy hoàn thành xây dựng NTM trên địa bàn huyện^[5].

(³) Kế hoạch số 123/KH-UBND ngày 23/11/2020; Kế hoạch số 72/KH-UBND ngày 13/5/2021 “V/v trồng 4,4 triệu cây xanh trên địa bàn huyện giai đoạn 2021 - 2025”; Kế hoạch số 93/KH-UBND ngày 15/6/2021 “V/v trồng cây xanh năm 2021 trên địa bàn huyện”.

(⁴) Doanh nghiệp đầu tư nông nghiệp: Công ty TNHH Tân Lâm Nguyên, Công ty cổ phần GLOBEANS, Doanh nghiệp tư nhân Văn Thân, HTX nông nghiệp Đa K’Nang, HTX chuỗi laba Đa K’Nang, HTX nông nghiệp công nghệ cao, HTX cá tầm Việt Đức, HTX dâu tằm Rô Men...).

(⁵) Các xã đạt chuẩn Nông thôn mới: Rô Men, Phi Liêng và Đa Rsal.

- Tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển các chuỗi liên kết sản xuất theo Nghị định 98/2018/NĐ-CP và Nghị quyết 104/2018/NQ-HĐND và các chính sách theo quy định để đẩy mạnh sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn huyện. Tiếp tục chỉ đạo đẩy mạnh việc phê duyệt các chuỗi liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn huyện trong thời gian tới^[6].

- Chương trình mỗi xã 1 sản phẩm (Chương trình OCOP) chỉ đạo rà soát, hướng dẫn chủ thể hoàn thiện hồ sơ để đánh giá, xếp hạng sản phẩm theo quy định. Năm 2020, trên địa bàn huyện đã đánh giá và được công nhận 03 sản phẩm OCOP cấp tỉnh gồm: 02 sản phẩm 4 sao (*Sản phẩm Cà phê phin PILOBUSTA và Sản phẩm Chuối Laba*), 01 sản phẩm 3 sao (*Sản phẩm Hạt mắc ca sấy*). Năm 2021, đến nay đã hoàn thành việc hướng dẫn chủ thể hoàn thiện hồ sơ gửi Hội đồng OCOP cấp huyện đánh giá gồm: trà dây rừng, dừa, sầu riêng, nước đóng chai.

Bên cạnh đó, xây dựng và đăng ký xác lập quyền nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý các sản phẩm đặc trưng thế mạnh của Đạm Rông^[7], gắn với hình thành các chuỗi liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị sản phẩm có lợi thế của địa phương.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG.

1. Kết quả đạt được:

Công tác triển khai thực hiện Nghị quyết 05-NQ/TU, ngày 11/11/2016 của Tỉnh ủy Lâm Đồng luôn được sự quan tâm chỉ đạo của UBND tỉnh và các Sở, ban, ngành của tỉnh; cùng với sự nỗ lực, quyết tâm của cả hệ thống chính trị, nhân dân các dân tộc trên địa bàn huyện trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ nên bộ mặt nông nghiệp trên địa bàn đã có sự thay đổi rõ rệt, tạo những bước ngoặt trong sản xuất và tác động mạnh mẽ với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của Huyện. Việc chỉ đạo triển khai thực hiện các nội dung của Nghị quyết là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của huyện trong thời gian qua.

- Đến nay, qua 05 năm triển khai Nghị quyết vào sản xuất diện tích sản xuất cơ bản các mục tiêu của Nghị quyết đều đạt và vượt so với yêu cầu đề ra như: năng suất các loại cây trồng chủ lực trên địa bàn huyện tăng, bộ mặt nông thôn trên địa bàn huyện thay đổi rõ rệt; kết cấu hạ tầng nông thôn được đầu tư cơ bản đồng bộ, đáp ứng nhu cầu sản xuất của người dân; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân trên địa bàn huyện được nâng cao.

(⁶) các chuỗi liên kết gồm: 03 chuỗi dâu tằm (Đạ Rsal, Rô Men, Phi Liêng); 02 chuỗi chuối Laba (Đạ K'Nang, Phi Liêng); 01 chuỗi rau (Đạ K'Nang, Phi Liêng); 01 chuỗi Mắc ca (Phi Liêng); 01 chuỗi nuôi cá tầm (Rô Men); 01 chuỗi sầu riêng (Đạ Rsal).

(⁷) Thương hiệu các sản phẩm gồm: Dừa mật Rô Men, Sầu Riêng Đạm Rông, LaBa Queen (chuối laba), Mắc ca Đạm Rông, Trà dây rừng, Trà Trầm Lĩnh Nam và Cá Tầm Đạm Rông.

- Công tác khuyến nông được quan tâm chỉ đạo, tiến bộ khoa học kỹ thuật được áp dụng vào sản xuất góp phần thay đổi tập quán canh tác, chăn nuôi trong nhân dân. Tăng trưởng ngành nông nghiệp tiếp tục tăng, cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch đúng định hướng, hình thành các vùng sản xuất chuyên canh quy mô lớn và có nhiều mô hình sản xuất có giá trị cao như: Vùng sản xuất lúa 3 xã Đầm Ròn cơ bản sản xuất đồng trà, đồng vụ, năng suất tăng 4,5 % (năm 2016) so với thời điểm Nghị quyết chưa ban hành; vùng trồng cây ăn quả (*sầu riêng, bơ, chuối...*) tại các xã Đạ R'Sal, Liêng S'rôn, Rô Men; vùng trồng xen Mắc ca trong vườn cà phê tại xã Đạ K'Nàng, Phi Liêng ..., đặc biệt đã chuyển đổi hơn 80ha đất sản xuất kém hiệu quả ven sông, suối tại khu vực 3 xã Đầm Ròn sang trồng dâu nuôi tằm mang lại hiệu quả kinh tế cao.

- Các hình thức tổ chức sản xuất như: trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp được quan tâm phát triển; hình thành các chuỗi liên kết sản xuất tiêu thụ nông sản góp phần nâng cao thu nhập cho nông hộ; xuất hiện nhiều mô hình liên kết sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế cao tạo sức lan tỏa mạnh mẽ trong nhân dân. Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) được quan tâm chỉ đạo, đến cuối năm 2020 trên địa bàn huyện có 03 sản phẩm được công nhận sản phẩm OCOP cấp tỉnh; đây là tiền đề để huyện tiếp tục hỗ trợ, xây dựng và phát triển các sản phẩm tiềm năng của huyện nhằm thúc đẩy sản xuất, liên kết, phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

- Công tác quản lý bảo vệ rừng, phục hồi rừng, trồng rừng được quan tâm chỉ đạo quyết liệt, có lộ trình cụ thể. Tỷ lệ độ che phủ rừng ổn định và tăng dần qua từng năm, số vụ vi phạm các quy định công tác quản lý bảo vệ rừng được xử lý năm sau cao hơn năm trước góp phần răn đe, giáo dục phòng ngừa vi phạm.

2. Những tồn tại, hạn chế.

Bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên, trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết còn một số tồn tại, hạn chế như:

- Công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch còn bất cập, đặc biệt quy hoạch sản xuất nông nghiệp, quy hoạch sử dụng đất; cấp ủy chính quyền một số xã chỉ đạo chưa quyết liệt đối với công tác chuyển đổi giống cây trồng, vật nuôi; chưa mạnh dạn đề xuất, nhân rộng các mô hình sản xuất mới, hiệu quả kinh tế cao.

- Việc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông-lâm nghiệp còn hạn chế, chưa phù hợp với khả năng tiếp nhận của người nông dân; Một số chương trình đầu tư còn dàn trải, hiệu quả không cao so với sản xuất thông thường, công tác chọn hộ, chọn mô hình để xây dựng các điểm trình diễn mô hình sản xuất còn bất cập, chưa đúng trọng tâm, trọng điểm và đi sau so với xu thế phát triển do vậy hiệu quả mang lại chưa cao nên không thể nhân rộng.

- Một bộ phận người dân đời sống còn nhiều khó khăn nên chưa mạnh dạn tiếp cận các nguồn vốn tín dụng để phát triển sản xuất. Việc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông - lâm nghiệp tuy đã được quan tâm nhưng do chi phí đầu tư lớn nên việc nhân rộng vẫn còn hạn chế.

- Việc ứng dụng cơ giới hóa vào sản xuất, chế biến, bảo quản sau thu hoạch còn thấp; sản xuất nông nghiệp gắn tiêu thụ, xây dựng và phát triển thương hiệu, hình thành các chuỗi liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị còn rất chậm, quy mô nhỏ, chưa đáp ứng yêu cầu là đòn bẩy thúc đẩy sản xuất nông nghiệp của huyện phát triển nhanh một cách bền vững.

- Thu hút đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn còn hạn chế. Các tổ chức cá nhân đầu tư vào nông nghiệp còn khiêm tốn; chính sách ưu đãi về nông nghiệp chưa phù hợp để doanh nghiệp lựa chọn đầu tư vào địa phương.. Mối liên kết giữa 4 nhà “nhà nông - nhà nước - nhà khoa học - nhà đầu tư (doanh nghiệp, ngân hàng)” chưa chặt chẽ, việc tiếp cận các nguồn vốn tín dụng của nông hộ còn hạn chế; do đó đã làm hạn chế, cản trở, ảnh hưởng đến việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi và thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp tại địa phương.

Ngoài ra, từ cuối năm 2019 đến nay, tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp đã làm ảnh hưởng đến việc sản xuất, sản phẩm nông nghiệp tiêu thụ khó khăn, giá cả thấp... do vậy đã trực tiếp ảnh hưởng đến sự phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện.

3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế.

- Công tác tuyên truyền, quán triệt và cụ thể hóa nội dung của Nghị quyết tại một số xã chưa chặt chẽ, sâu rộng. Một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân chưa nhận thức đúng về sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chưa mạnh dạn ứng dụng các công nghệ mới vào sản xuất. Việc lồng ghép các nội dung của Nghị quyết vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tại một số xã chưa đồng bộ, phù hợp với xu hướng phát triển sản xuất tại địa phương.

- Công tác chỉ đạo thu hút đầu tư, nhất là đầu tư sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chế biến sau thu hoạch, cơ giới hóa sản xuất và xây dựng các chuỗi liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm còn hạn chế.

- Những năm gần đây, tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện có nhiều bước phát triển. Nhưng do huyện xuất phát điểm thấp, tích lũy trong nhân dân còn hạn chế nên nông hộ chưa mạnh dạn, thiếu vốn đầu tư ứng dụng khoa học, giống mới vào sản xuất.

- Công tác quản lý bảo vệ rừng luôn được quan tâm chỉ đạo sâu sát, quyết liệt. Nhưng huyện có diện tích đất lâm nghiệp lớn, địa hình đồi dốc; các đối tượng vi phạm hoạt động ngày càng tinh vi, phức tạp và có tổ chức, thường thực

hiện hành vi vào ban đêm và ngày nghỉ, có cất cử người theo dõi lực lượng bảo vệ rừng nên khó khăn trong công tác quản lý bảo vệ rừng, vẫn còn xảy ra nhiều vụ vi phạm Luật Lâm nghiệp.

IV. Phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn 2021 - 2025

Nhằm khắc phục những tồn tại, hạn chế nêu trên; trong thời gian đến Ban Thường vụ Huyện ủy đề nghị Ủy ban nhân dân huyện tập trung chỉ đạo thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Tiếp tục chỉ đạo các cấp, ngành tập trung tuyên truyền, quán triệt mục tiêu, nội dung Nghị quyết bằng nhiều hình thức, nội dung phù hợp, dễ hiểu để nâng cao nhận thức, thay đổi tư duy, thói quen canh tác của người dân; đặc biệt truyền thông để người nông dân mạnh dạn ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất phù hợp với năng lực tài chính và trình độ kỹ thuật của người dân.

2. Đẩy mạnh phát triển các hình thức tổ chức sản xuất, tập trung xây dựng các chuỗi liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nhằm nâng cao thu nhập cho người dân. Xây dựng mối liên kết chặt chẽ giữa 4 nhà “nhà nông - nhà nước - nhà khoa học - nhà đầu tư (doanh nghiệp, ngân hàng)” để tạo điều kiện thuận lợi cho nông hộ thuận lợi tiếp cận các nguồn vốn, phát triển sản xuất nâng cao thu nhập. Khuyến khích phát triển các loại hình kinh tế hợp tác, kinh tế tập thể hoạt động sản xuất gắn với xây dựng chuỗi liên kết cung ứng vật tư đầu vào đến chế biến, tiêu thụ sản phẩm ra thị trường. Tập trung xây dựng, phát triển các sản phẩm chủ lực, ngành có thế mạnh của huyện theo hướng phát triển sản phẩm sạch, an toàn vệ sinh thực phẩm, ứng dụng công nghệ cao phù hợp với thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và điều kiện cụ thể của địa phương.

3. Tập trung chuyển đổi những diện tích sản xuất kém hiệu quả sang trồng các loại cây có năng suất cao. Tiếp tục chuyển đổi diện tích trồng lúa 1 vụ, diện tích ngô kém hiệu quả, đất bãi bồi ven sông, suối để trồng dâu nuôi tằm tại khu vực 3 xã Đầm Ròn; tái canh, ghép cải tạo cà phê kết hợp trồng xen cây ăn quả trên diện tích cà phê già cỗi; sử dụng các cây trồng, vật nuôi có năng suất cao, thích ứng với khí hậu, phù hợp với nhu cầu thị trường.....

4. Thường xuyên quan tâm, giới thiệu các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn huyện tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối với các sàn giao dịch nông sản điện tử để thúc đẩy tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp có lợi thế, tiềm năng của huyện.

5. Tăng cường công tác khuyến nông, đổi mới hoạt động khuyến nông, cách tiếp cận và triển khai đồng bộ các biện pháp kỹ thuật, bảo vệ thực vật, dịch vụ nông nghiệp theo hướng phục vụ cho nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

6. Tập trung chỉ đạo các đơn vị liên quan nâng cao tinh thần trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ quản lý bảo vệ rừng. Bảo vệ và phát triển bền vững diện tích rừng hiện có, tăng cường các hoạt động bảo vệ rừng và PCCCR; ngăn chặn và xử lý kịp thời, có hiệu quả các hành vi vi phạm Luật Lâm nghiệp. Tập trung chỉ đạo, nâng cao hiệu quả công tác trồng rừng, trồng cây phân tán, trồng xen cây đa mục đích trên diện tích đất lâm nghiệp đang sản xuất nông nghiệp ổn định. Thực hiện tốt công tác giao khoán quản lý bảo vệ rừng theo chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng. Lồng ghép các nguồn lực hợp pháp để phát triển rừng, tranh thủ các nguồn lực từ các tổ chức kinh tế để phát triển kinh tế rừng gắn với các dịch vụ thương mại, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng dưới tán rừng.

7. Thực hiện hiệu quả công tác đào tạo nghề nông thôn. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ khuyến nông từ huyện đến cơ sở; gắn lý thuyết với thực hành.

8. Bố trí nguồn lực đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng nông thôn, nhất là tập trung đầu tư xây dựng hệ thống thủy lợi nội đồng, giao thông nội đồng. Đầu tư nguồn lực để xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao từ khâu sản xuất, thu hoạch, bảo quản, sơ chế, chế biến nông sản sau thu hoạch. Tiếp tục chỉ đạo đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với quy hoạch từng vùng, xây dựng các vùng sản xuất chuyên canh trên địa bàn huyện.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết 05-NQ/TU, ngày 11/11/2016 của Tỉnh ủy Lâm Đồng về phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững và hiện đại giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng đến năm 2025 trên địa bàn huyện Đam Rông.

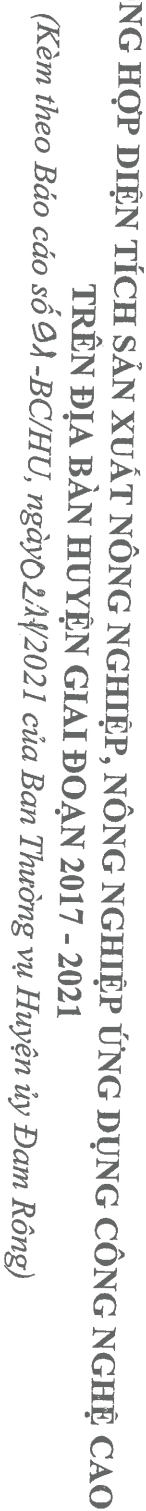
Nơi nhận:

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy,
- Ban cán sự Đảng UBND tỉnh,
- Văn phòng Tỉnh ủy,
- TT HU, TT HĐND, UBND huyện,
- Các phòng, ban, ngành, Mặt trận TQ và các đoàn thể huyện,
- Đảng ủy, UBND các xã,
- Lưu Văn phòng Huyện ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**



Đa Cát K'Hương



Kết quả thực hiện																		
TT	Hạng mục dự án	Đơn vị tính	Năm 2016	Mục tiêu Nghị quyết đề ra	Năm 2017				Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		ước TH Năm 2021		TH Giai đoạn 2017 - 2021	
					Kết quả	So sánh năm 2016 (%)	Kết quả	So sánh năm 2017 (%)	Kết quả	So sánh năm 2018 (%)	Kết quả	So sánh năm 2019 (%)	Kết quả	So sánh năm 2020 (%)	Thực hiện	Mục tiêu Nghị quyết (%)		
	Diện tích gieo trồng	ha	15,893.0		16,360.0		19,212.0		19,750.0		20,535.0		20,338.0		0.0			
1	Nông nghiệp																	
-	DT trồng cây lâu năm	ha	10298		10863	5.49	13905	28.00	14,519	4.42	15,369	5.85	15,709	2.21				
-	DT trồng cây hàng năm	ha	5595		5497	-1.75	5307	-3.46	5,231	-1.43	5,166	-1.24	4,629	-10.39				
1.1	Trồng trọt	ha	14,024.8		14,674.3		17,839.7		18,482.0		18,727.0		18,771.0		14,561.0	1.0		
-	DT Lúa	ha	2071		2101	1.45	2,056	-2.14	2,050	-0.29	1,857	-9.41	1,807	-2.69				
-	DT Bắp	ha	2099		2078	-1.00	2,098	0.96	2,103	0.24	2,105	0.10	1,640	-22.09				
-	DT Cây cà phê	ha	8,500.0	8,500	8850	4.12	11,760	32.88	12,010	2.13	12,101	0.76	12,251	1.24	12,251	44.13		
	Tái canh	ha			400		300	-25.00	450	50.00	175	-61.11	180	2.86	805			
	Ghép cải tạo	ha			300		400	33.33	250	-37.50	275	10.00	270	-1.82	795			
-	Điều	ha	300		303	1.00	303	0.00	303	0.00	278	-8.25	280	0.72				
-	Ca cao	ha	158.7		158.7	0.00	159	0.00	158	-0.44	129	-18.35	129	0.00				
-	Cao su	ha	165		165	0.00	165	0.00	165	0.00	89	-46.06	89	0.00				
-	Cây Mắc ca	ha	110	1,000	250	127.27	282	12.80	450	59.57	695	54.44	835	20.14	835	-16.50		
-	DT trồng Dầu nuôi tầm	ha	194.6		220	12.85	304	38.43	375	23.36	425	13.33	475	11.76				
-	DT Sầu Riêng	ha	85		155	82.35	215	38.71	285	32.56	420	47.37	550	30.95	1,255			
-	Diện tích cây bơ	ha	61.5		85	38.21	118	38.82	145	22.88	163	12.41	175	7.36				
-	Diện tích chuối Laba	ha	5	300	25	400.00	75	200.00	105	40.00	160	52.38	220	37.50	220	-26.67		
-	Cây ăn quả khác...	ha	275.0		284	3.27	305	7.39	333	9.18	305	-8.41	320	4.92				
1.2	Chăn nuôi		20,167		20,670		24,705		14,377		10,130		13,002		11,750			

-	Đàn heo	con	14,339	22,000	14,025	-2.19	17,407	24.11	7,736	-55.56	3,706	-52.09	5,860	58.12	5,860	-73.36
-	Đàn trâu	con	236		254	7.63	173	-31.89	160	-7.51	163	1.88	165	1.23		
-	Đàn bò	con	5200	10,000	5,695	9.52	6,204	8.94	5,564	-10.32	5,256	-5.54	5,890	12.06	5,890	-41.10
-	Đàn dê	con	285		590	107.02	835	41.53	840	0.60	903	7.50	910	0.78		
-	Đàn gia cầm	nghìn con	106.5		106	-0.85	86	-18.37	77	-10.67	102	32.47	177	73.53		
1.3	Thủy sản	ha	100	50	-100.00				105							
-	Diện tích nuôi truyền thống	ha	100		100	0.00	110	10.00	101	-8.18	175.6	67.24	176.0	0.23	176	252.00
-	DT nuôi cá nước lạnh	ha		50					4		5	25.00	7.3	46.00	7.3	-85.40
2	Sản xuất Nông nghiệp CNC															
-	Diện tích nhà kính, nhà lưới	ha														
-	Nhà kính	ha														
-	Nhà lưới	ha														
-	DT sản xuất nhà kính	ha														
-	Giá trị sản xuất bình quân/ha sản	ha					5		11		16	45.45	17	6.25		
-	DT sản xuất tiêu chuẩn VIETG	ha														
3	Chuyển đổi diện tích cây trồng kém hi								5		33	560.00	99	198.48		
-	Trên đất lúa	ha														
-	Trên đất điều	ha							45		55	22.22	75	36.36		
-	Cây trồng khác	ha							35		44	25.71	45	2.27		
4	Kinh tế tập thể (phát triển mới)								675		458	-32.15	420	-8.30		
-	Hợp tác xã	HTX	6	12	-100.00				12		17	41.67	19	11.76	19.00	58.33
-	Tổ hợp tác	THT	3	5	-100.00				5		8	60.00	8	0.00	8.00	60.00
-	Trang trại	TT	10	12	-100.00				12		13	8.33	13	0.00	13.00	8.33
5	Số chuỗi liên kết sản xuất															
-	Số chuỗi liên kết sản xuất	chuỗi														
-	Số Doanh nghiệp/HTX tham gia	đơn vị							3		9	200.00	10	11.11	10.00	
-	Số hộ liên kết	hộ							3		9	200.00	10	11.11	10.00	
6	Chương trình mỗi xã 1 sản phẩm (OCOP)	Sản phẩm							75		225	200.00	250	11.11		
											3		5	66.67	8	



Phụ lục 02: TỔNG HỢP NĂNG SUẤT MỘT SỐ CÂY TRỒNG CHỦ LỰC
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN GIAI ĐOẠN 2017 - 2021

(Kèm theo Báo cáo số 91 -BC/HU ngày 02 /11/2021 của Ban Thường vụ Huyện ủy Đam Rông)

TT	Loại cây trồng	Đơn vị tính	Năm 2016	Kết quả thực hiện										So sánh năm 2021 với năm 2016
				Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		ước TH Năm 2021		
				Kết quả	So sánh năm 2016 (%)	Kết quả	So sánh năm 2017 (%)	Kết quả	So sánh năm 2018 (%)	Kết quả	So sánh năm 2018	Kết quả	So sánh năm 2020 (%)	
1	Lúa	tạ/ha	44.3	45.8	3.4	46.8	2.2	48.4	3.4	48.8	0.83	48.1	-1.43	8.58
2	Bắp	tạ/ha	47.2	48.1	1.9	48.3	0.4	48.5	0.4	50.0	3.09	46.7	-6.60	-1.06
3	Cà phê	tạ/ha	26.5	27.4	3.4	27.7	1.1	27.9	0.7	30.9	10.61	30.9	0.00	16.45
5	Điều	tạ/ha	7	7	-	6	- 14.3	6.0	-	6.0	0.00	6.0	0.00	-14.28571429
8	Cây Mắc ca	tạ/ha	14	14.4	2.9	14.8	2.8	15.0	1.4	15.0	0.00	15.0	0.00	7.14
9	Dầu tấm	tạ/ha	149	150	0.7	155	3.3	185.0	19.4	186.0	0.54	186.0	0.00	24.83221477
10	Sầu Riêng	tạ/ha	12.4	14.4	16.1	14.8	2.8	15.0	1.4	15.2	1.33	15.2	0.00	22.6
11	Bơ	tạ/ha	110	118	7.3	125	5.9	140.0	12.0	140.2	0.14	140.2	0.00	27.45454545
12	Chuối Loba	tạ/ha	195	208	6.7	212	1.9	215.0	1.4	215.0	0.00	216.0	0.47	10.8

ĐẢNG BỘ TỈNH LẠM ĐỒNG
HUYỆN ỦY ĐAM RÔNG



ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Phụ lục 03 : BẢNG TỔNG HỢP CÁC NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN GIAI ĐOẠN 2017-2021
(Kèm theo Báo cáo số: 91 -BC/HU ngày 02/4/2021 của Ban Thường vụ Huyện ủy Đam Rông)

Báo cáo thực hiện kế hoạch năm 2021 của Ban Thường vụ Huyện ủy Đam Rông							
TT	Nguồn vốn	Tổng vốn (Tr.đồng)	Thực hiện				
			Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	ước TH Năm 2021
I	Phát triển sản xuất	78,802	22,839	14,637	13,092	15,049	13,185
1	Nguồn vốn SNNN	6,773	1,442	1,131	1,350	1,350	1,500
2	Nguồn vốn 30a	40,863	16,695	8,677	7,841	7,650	0
3	Vốn 135	6,430	2,102	1,442	1,519	1,367	
4	Chuyên đổi năng cao chất lượng giống cây trồng	632	100			332	200
5	Vốn trợ giá	1,311	355	956			
6	Vốn Tài canh	823	286	266	271		
7	Vốn Khoa học công nghệ	3,500	500	500	500	1,000	1,000
8	Đề án phát triển dâu tằm	870			150	570	150
9	Đề án phát triển đàn bò	399	267	132			
10	Phát triển UDNNCNC	524			111	113	300
11	NTM	4,817	1,092	1,533	1,100	1,092	
12	Phát triển diện tích đất lúa	1,221			150	531	540
13	Chương trình mỗi xã 1 sản phẩm	815			100	645	70
14	Đề án Cơ giới hóa	400				400	
15	Đề án phát triển sản xuất cho hộ nghèo 2021 - 2025	9,425					9,425
II.	Xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn	684,676	111,719	213,765	349,366	437,274	684,676

1	Công trình giao thông	400,283	64,305	74,637	75,174	57,588	128,579
2	Công trình thủy lợi	74,728	8,450	5,172	9,144	10,770	41,192
3	Công trình trường học	102,656	22,323	805	38,497	9,245	31,786
4	Công trình văn hóa	35,627	4,000	19,512	3,790	3,751	4,574
5	Công trình khác (trụ sở huyện, xã, môi trường, điện....)	71,382	12,641	1,920	8,996	6,554	41,271
III.	Vốn tín dụng (dư nợ lũy kế cuối năm 2021)	995,609	526,205	141,990	250,000	211,131	995,609
Tổng cộng		1,759,087	660,763	370,392	612,458	663,454	1,693,470

Phụ lục 04: **CÁC TIÊU CHÍ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO CHO TỪNG LOẠI CÂY TRỒNG**

(Kèm theo Báo cáo số 04-BC/HU ngày 02/11/2021 của Ban Thường vụ Huyện ủy Đam Rông)

TT	Các tiêu chí bắt buộc	Diện tích (ha)	Ghi chú
I. Sản xuất rau công nghệ cao		95	
1	Áp dụng cơ giới hóa khâu làm đất, lên luống	x	
2	Sử dụng hệ thống tưới nhỏ giọt hoặc tưới phun mưa tự động		
3	Cung cấp chất dinh dưỡng qua hệ thống tự động hoặc bán tự động		
4	100% diện tích được cấp chứng nhận VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ hoặc được cấp chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm của HTX, đối với nông hộ sản xuất có cam kết sản xuất rau an toàn		
5	Có liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm thông qua hợp đồng		
II. Sản xuất cà phê công nghệ cao		25	
1	Diện tích cà phê có trồng cây che bóng đa tỷ lệ từ 15 - 20%		
2	Sử dụng hệ thống tưới tiết kiệm		
3	100% diện tích được cấp chứng nhận VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ, UTZ, Rainforest, 4C hoặc được cấp chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm của HTX. Đối với nông hộ sản xuất có cam kết sản xuất cà phê an toàn		
4	Thu hoạch sản phẩm quả chín đạt > 95%.		
5	Có liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm thông qua hợp đồng		
III. Sản xuất cây ăn quả công nghệ cao		480	
1	Sử dụng hệ thống tưới tiết kiệm		
2	100% diện tích được cấp chứng nhận VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ hoặc được cấp chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm của HTX. Đối với nông hộ sản xuất có cam kết sản xuất cây ăn quả an toàn		
3	Sử dụng hệ thống phun thuốc phòng trừ dịch bệnh tự động hoặc bán tự động		
4	Có liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm thông qua hợp đồng		